TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2020/HS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh
2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 319/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 350/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với:

- Bị cáo:

T, sinh năm 1981 tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: đường B, tổ 3, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H, sinh năm 1957 và bà M, sinh năm 1958; Chồng V, sinh năm 1979 (đã ly hôn), hiện sống như vợ chồng với anh B, sinh năm 1964, có 02 con sinh năm 2001 và năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 24/3/2020, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T là người sử dụng trái phép chất ma túy. T đã 02 lần thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như sau:

Lần thứ 1: Khoảng 11 giờ ngày 21/3/2020, T đi đến khu vực ngã tư T, thuộc khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai mua của đối tượng tên N (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy tổng hợp giá 200.000đ rồi mang về nhà của T tại đường B, tổ 3, khu phố 7, phường L, thành phố B sử dụng hết một phần, phần còn lại T cất giấu mục đích để sử dụng.

Lần thứ 2: Khoảng 09 giờ ngày 24/3/2020, T tiếp tục đi đến khu vực gần

Bệnh viện tâm thần Trung ương 2, thuộc phường T mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch) 03 gói ma túy tổng hợp giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) rồi mang về nhà của T tại địa chỉ nêu trên cất giấu để sử dụng.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang ở nhà thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng thu giữ trong túi áo ngực T đang mặc (Ký hiệu M3), T mua vào ngày 21/3/2020.

02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng thu giữ trong tủ đựng chén bát phía trước nhà (Ký hiệu M1) và 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng trong tủ lạnh nhà T đang ở (Ký hiệu M2), T mua vào ngày 24/3/2020.

Tại Kết luận giám định số 603/KLGĐ-PC09 ngày 31/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

"- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 7,9735gam, loại: **Methamphetamine.**

- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 4,8994gam, loại: **Methamphetamine.**

- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1445gam, loại: **Methamphetamine**".

Tại Cáo trạng số 330/CT-VKSBH ngày 08/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 năm tù đến 07 năm tù, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai người làm chứng cùng

với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 21/3/2020 đến 11 giờ 30 phút ngày 24/3/2020, tại nhà không số, hẻm đường B, tổ 3, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, T đã 02 lần có hành vi tàng trữ trái phép 13,0174gam ma túy, loại: Methamphetamine (trong đó: lần 1: Tàng trữ 0,1445gam ma túy; lần 2: 12,8729 gam ma túy), thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và hoàn toàn đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc sử dụng chất ma túy là nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe con người nhưng để thỏa mãn ham muốn cá nhân, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện việc mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Thiết nghĩ, cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định của gói niêm phong số 603 ngày 31/3/2020.

Toàn bộ số vật chứng trên được giao qua Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2020.

[4] Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Đối với đối tượng tên Nhi và người đàn ông (chưa rõ lai lịch) đã bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định của gói niêm phong số 603 ngày 31/3/2020.

Toàn bộ số vật chứng trên được giao qua Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2020.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Quyên